

Phụ lục 01:

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2024 ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP 100% VỐN NHÀ NƯỚC DO ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
LÀM ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU

(Kèm theo Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên Doanh Nghiệp	Chỉ tiêu 1 (triệu đồng) Tổng doanh thu				Chỉ tiêu 2							Chỉ tiêu 3					Chỉ tiêu 4: tình hình chấp hành chế độ chính sách	Chỉ tiêu 5: Tình hình thực hiện sản phẩm, DV công ích					Kết quả xếp loại Doanh nghiệp
		Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện so với Kế hoạch (%)	Kết quả xếp loại	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)		Vốn Chủ sở hữu bình quân (triệu đồng)		Tỷ suất Lợi nhuận trên vốn (%)			Kết quả xếp loại	Nợ quá hạn (triệu đồng)	Khả năng thanh toán nợ đến hạn			Kết quả xếp loại	Kết quả xếp loại	Kế hoạch (Ha)	Thực hiện (Ha)	Thực hiện so với Kế hoạch (%)	Kết quả xếp loại	
						Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Chênh lệch (%)			TSNH (triệu đồng)	Nợ ngắn hạn (triệu đồng)	TSNH/NH (lần)							
A	B	1	2	3=2/1	4	5	6	7	8	9	10	11=10/9	12	13	14	15	16=14/15	17	18	19=20+21	22=23+24	25=22/19	26	27
I	Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh																							
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô	1.060	2.424	228,7%	A	32	45,70	2.440	2448,4	1,3%	1,9%	142,3%	A	0	2.386	1.275	1,87	A	A					A
2	Công ty TNHH MTV Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi	145.000	142.060	98,0%	B	4.400	8.464	88.718	91670	5,0%	9,2%	186,2%	A	0	174.269	14.072	12,38	A	B					B
3	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Ngãi	346.503	374.979	108,2%	A	20.653	20.848	103.619	103.619	19,9%	20,1%	100,9%	A	0	153.125	58.096	2,64	A	A					A
4	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Kon Tum	303.000,00	310.091	102,3%	A	20.000	50.434	50.000	50.000	40,0%	100,9%	252,2%	A	0	119.693	77.853	1,54	A	A					A
5	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đăk Tô	33.260,00	33.080	99,5%	B	2.410	2.474	72.705	72.910	3,3%	3,4%	102,4%	A	0	15.057	27.338	0,55	B	A					A
II	Doanh nghiệp hoạt động công ích																							
1	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi	68.160,00	65.590	96,2%	B									0,00	38.970	15.767	2,47	A	A	46.022,47	46.022,47	100,0%	A	A
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plong	48.770,06	54.285	111,3%	A									0,00	11.353	13.934	0,81	B	A	47.034,44	47.391,14	100,8%	A	A
2	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sa Thầy	9.420,00	11.742	124,6%	A									0	7.663	1.004	7,63	A	A	20.482,80	20.665,96	100,9%	A	A
3	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi	11.631,86	13.380	115,0%	A									0	10.170	4.927	2,06	A	A	22.023,30	21.686,76	98,5%	B	B
4	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai	12.500,04	19.949	159,6%	A									0,0	10.308	5.854	1,76	A	A	35.423,00	35.419,56	99,99%	B	B
5	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đăkglei	19.024,52	23.678	124,5%	A									0,0	16.578	11.577	1,43	A	A	20.018,17	20.033,46	100,08%	A	A

STT	Tên Doanh Nghiệp	Chỉ tiêu 1 (triệu đồng) Tổng doanh thu				Chỉ tiêu 2								Chỉ tiêu 3				Chỉ tiêu 4: tình hình chấp hành chế độ chính sách	Chỉ tiêu 5: Tình hình thực hiện sản phẩm, DV công ích					Kết quả xếp loại Doanh nghiệp
		Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện so với Kế hoạch (%)	Kết quả xếp loại	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)		Vốn Chủ sở hữu bình quân (triệu đồng)		Tỷ suất Lợi nhuận trên vốn (%)			Kết quả xếp loại	Nợ quá hạn (triệu đồng)	Khả năng thanh toán nợ đến hạn			Kết quả xếp loại	Kết quả xếp loại	Kế hoạch (Ha)	Thực hiện (Ha)	Thực hiện so với Kế hoạch (%)	Kết quả xếp loại	
						Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Chênh lệch (%)			TSNH (triệu đồng)	Nợ ngắn hạn (triệu đồng)	TSNH/N NH (lần)							
A	B	1	2	3=2/1	4	5	6	7	8	9	10	11=10/9	12	13	14	15	16=14/15	17	18	19=20+21	22=23+24	25=22/19	26	27
6	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy	31.700,00	29.771	93,9%	B									0	78.661	12.836	6,13	A	A	27.903,16	27.911,91	100,0%	A	A
7	Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Kon Tum	12.045,75	12.604	104,6%	A									0	669	424	1,58	A	A	16.628,00	17.155,46	103,2%	A	A

Thuyết minh:

- Riêng đối với chỉ tiêu (1) " Tổng doanh thu" của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Kon Tum, năm 2024, theo quyết định giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum tại Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2024, tổng doanh thu kế hoạch 2024 của Công ty là 26.282 triệu đồng, tổng doanh thu thực hiện 2024 là 12.604 triệu đồng, đạt 47,96% so với kế hoạch giao. Tuy nhiên, theo báo cáo của Công ty, lý do doanh thu thực hiện năm 2024 chỉ đạt 47,96% so với kế hoạch giao **không phải do Công ty hoạt động không hiệu quả**, mà là do nguyên nhân bất khả kháng, nguồn doanh thu từ hoạt động “bảo dưỡng định kỳ, quản lý an toàn đập thủy lợi và cấp phép khai thác sử dụng tài nguyên nước” là 13.627,25 triệu đồng **không được** Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Kon Tum đặt hàng cho Công ty thực hiện theo kế hoạch đăng ký, mà chỉ thực hiện đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 (12.045,75 triệu đồng) cho Công ty thực hiện. Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ, qua đó xem đây như là nguyên nhân bất khả kháng, qua đó loại trừ nguồn doanh thu kế hoạch từ hoạt động “bảo dưỡng định kỳ, quản lý an toàn đập thủy lợi và cấp phép khai thác sử dụng tài nguyên nước” là 13.627,25 triệu đồng khi thực hiện xếp loại cho chỉ tiêu này.

Phụ lục 02:

CHI TIẾT KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

I. Doanh nghiệp hoạt động công ích trong lĩnh vực lâm nghiệp

STT	Tên Doanh Nghiệp	Chỉ tiêu 5: Tình hình thực hiện sản phẩm, DV công ích (quản lý, bảo vệ rừng)							Kết quả xếp loại
		Kế hoạch			Thực hiện			Thực hiện so với Kế hoạch (%)	
		Tổng (Ha)	Nguồn Bảo vệ rừng tự nhiên tạm dừng khai thác (Ha)	Nguồn DVMTR (Ha)	Tổng (Ha)	Nguồn Bảo vệ rừng tự nhiên tạm dừng khai thác (Ha)	Nguồn DVMTR (Ha)		
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plong	47.034,44	2.310,14	44.724,30	47.391,14	1.295,56	46.095,58	100,8%	A
2	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sa Thầy	20.482,80	10.849,02	9.633,78	20.665,96	10.875,92	9.790,04	100,9%	A
3	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi	22.023,30	14.123,52	7.899,78	21.686,76	14.117,20	7.569,56	98,5%	B
4	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai	35.423,00	17.976,82	17.446,18	35.419,56	17.976,82	17.442,74	99,99%	B
5	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đăkglei	20.018,17	0,00	20.018,17	20.033,46	0,00	20.033,46	100,08%	A
6	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy	27.903,16	0,00	27.903,16	27.911,91	0,00	27.911,91	100,03%	A